

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Anh Tuấn

2. Bà Trịnh Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh ngày 12/8/1982; địa chỉ thường trú tại: Thôn E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cước công dân số 044182004357.

(bà T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh ngày 22/6/1982; địa chỉ thường trú tại: Thôn E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cước công dân số 001082042351.

(ông M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13 tháng 10 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 21/9/2004, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống được một

thời gian vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T yêu cầu tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Trần Văn M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông M có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2005 và Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011. Khi ly hôn, bà T đề nghị giao con chung Trần Tiến T1 cho ông Trần Văn M là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Con chung Trần Tiến Đ đã đủ tuổi thành niên và tự nuôi sống được bản thân nên bà T không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra, bà Đinh Thị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Ông M đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị T.

- Về con chung: Con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2005 và Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011, ông M nuôi dưỡng con chung Trần Tiến T1.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông Trần Văn M không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Vụ án đã được Toà án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do vắng mặt bị đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Đinh Thị T, ông Trần Văn M chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T, về hôn nhân cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M. Về con chung đề nghị giao con chung Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 cho ông Trần Văn M nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung bà Đinh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung Trần Tiến T1 là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên; con chung Trần Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2005 đã đủ tuổi thành niên và tự nuôi sống được bản thân và các bên cũng không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí bà Đinh Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn M, bị đơn ông Trần Văn M có nơi thường trú tại thôn E, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Đinh Thị T, bị đơn ông Trần Văn M là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 21/9/2004 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà T và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà T trình bày trong quá trình chung sống được một thời gian vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn M. Bị đơn ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Năm 2024 bà T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M nhưng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ và Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng đã đình chỉ vụ án theo quyết định

đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2024. Tuy nhiên, năm 2025 bà T tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài. Căn cứ biên bản xác minh ngày 21/11/2025 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M thì bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ mâu thuẫn là gì, bà T đã bỏ nhà đi khoảng hơn một năm nay, bà T ông M cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hoà giải. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông M không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị T, cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung:

Bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2005 và Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011.

Khi ly hôn bà Đinh Thị T yêu cầu giao con chung Trần Tiến T1 cho ông Trần Văn M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tiến T1 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Con chung Trần Tiến Đ đã đủ tuổi thành niên và tự nuôi sống được bản thân nên bà T không yêu cầu toà án giải quyết. Ông Trần Văn M cũng đồng ý với yêu cầu của bà T và đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến T1, không có ý kiến đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Trần Tiến Đ đã đủ tuổi thành niên và tự nuôi sống được bản thân nên bà T và ông M không có yêu cầu gì.

Xét thấy theo bản tự khai ngày 18/12/2025 của con chung Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 trình bày thì Trần Tiến T1 đang học lớp 9 tại trường Trung học cơ sở Đ1 3, nếu bố mẹ ly hôn Trần Tiến T1 muốn ở với bố. Bà T tình yêu C giao con chung Trần Tiến T1 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng và ông M cũng đồng ý. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 cho ông Trần Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế. Đối với con chung Trần Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2005 đã đủ tuổi thành niên và tự nuôi

sống được bản thân và bà T, ông M cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét là đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Đinh Thị Tình tự N cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên; ông Trần Văn M không có ý kiến gì, căn cứ Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Hội đồng xét xử xét thấy đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M trình bày vợ chồng bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M trình bày vợ chồng bà Đinh Thị T và ông Trần Văn M không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Đinh Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 88, các Điều 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 4, 6, 7 của Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án

phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T đối với ông Trần Văn M về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung:

Giao một con chung là Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 cho ông Trần Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Bà Đinh Thị T tự N cấp dưỡng nuôi con chung Trần Tiến T1, sinh ngày 26/7/2011 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) / 01 tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Đinh Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005536 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lâm Đồng;
- UBND xã Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Đinh Xuân Trường